

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VIỆT HÀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VIỆT HÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET HAN INTERNATIONAL CO-OPERATE AND INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108125967

**3. Ngày thành lập:** 10/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 50 Hàng Thiếc, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311     |
| 2.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết:<br>-Loại trừ Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329     |

|     |                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>+ Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;<br>+ Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                | 7830(Chính) |
| 7.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>+ Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |
| 8.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                              | 5510        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;                                                                                                                                         | 4610        |
| 10. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                       | 8510        |
| 11. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                         | 8542        |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                          | 8551        |
| 13. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                  | 7912        |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;                                                               | 7920        |
| 15. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                  | 2100        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                               | 4649        |
| 17. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                  | 4100        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng công trình đường bộ                                                                                               | 4210        |
| 19. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                           | 4220        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                       | 4290        |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                         | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</li> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> </ul> | 4390 |
| 23. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 24. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8532 |
| 25. | <p>Đào tạo cao đẳng</p> <p>Chi tiết: Đào tạo cao đẳng nghề</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8541 |
| 26. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul>                                                                                                                                                                                         | 8559 |
| 27. | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn giáo dục,</li> <li>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,</li> <li>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,</li> <li>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,</li> <li>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8560 |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020 |
| 29. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7820 |

|     |                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>. Chi tiết:<br>+ Sản xuất mỹ phẩm<br>+ Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 2023 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ THÁI CHUNG | Nhà N6 phòng 663, Tập thể Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 90,000    | 037175000194                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                      | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TUẤN ANH         | T2 Bưu điện, đường Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     | 011903557                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN QUANG HƯNG   | Số 50 Hàng Thiếc, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     | 001075002881                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN THỊ THÁI CHUNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/03/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *037175000194*

Ngày cấp: *24/03/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà N6 phòng 663, Tập thể Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà N6 phòng 663, Tập thể Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội